ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ TRONG DẠY VÀ HỌC NGOẠI NGỮ

NGUYỄN TIẾN DŨNG* – NGUYỄN THỊ PHƯƠNG MAI♦

1. THÔNG TIN CHUNG

Sinh viên ngày nay mong muốn trường đại học là nơi dạy phương pháp tư duy có phê phán (critical thinking), phân tích và tổng hợp thông tin để giải quyết những vấn đề trong các lĩnh vực khoa học, kỹ thuật, chính trị, kinh tế-xã hội và phương pháp làm việc theo nhóm một cách có hiệu quả.

Để đáp ứng những kỳ vọng đó, phương pháp giảng dạy lấy người học làm trung tâm đã được áp dụng và đã nhận được sự ủng hộ nhiệt tình của những chuyên gia về lĩnh vực sư phạm. Tuy nhiên, theo Weimer (2002), để phương pháp này thành công trong thực tiễn thì cần tuân thủ 7 nguyên tắc sau:

- Giáo viên giảm bớt thời lượng giảng bài trên lớp;
- Giáo viên để sinh viên chủ động tìm tòi, khám phá kiến thức;
- Giáo viên tăng cường công việc thiết kế bài giảng;
- Giáo viên tăng cường vai trò làm mẫu để sinh viên so sánh và thực hiện theo;
- Sinh viên học hỏi nhiều hơn từ bạn bè trong lớp;
- Giáo viên tạo môi trường học tập phù hợp cho sinh viên;
- Giáo viên chú trọng hơn đến hoạt động nhận xét và đánh giá hoạt động học tập của sinh viên.

Ưu điểm nổi trội của việc ứng dụng công nghệ trong giáo dục là tạo điều kiện cho những thay đổi cơ bản trong phương pháp dạy và học. internet cho phép người học dễ dàng tiếp cận thế giới tri thức của nhân loại. Trong lớp học, máy tính đóng vai trò trợ giảng đắc lực và tận tình của mỗi sinh viên. Nói cách khác, công nghệ có thể đem lại cho giáo viên và sinh viên những công cụ hữu hiệu, phục vụ cho hoạt động dạy và học một cách sáng tạo hơn. Theo cách diễn đạt của Mills (2006), công nghệ internet đã tạo ra một môi trường học tập linh

* ThS. Trường Đại học Hà Nội
♦ ThS. Trường Đại học Hà Nội

hoạt cho phương pháp học và dạy lấy người học làm trung tâm.

Công nghệ giúp con người không chỉ tư duy tốt hơn mà còn tư duy một cách mới mẻ hơn. Theo đó, con người không đơn thuần tư duy một cách truyền thống theo kiểu tìm tòi thông tin để trả lời các câu hỏi *"Ai?", "Cái gì?", "Khi nào?", "Ở đâu?"* mà tập trung quá trình tư duy để giải đáp những câu hỏi lớn của thời đại: *"Tại sao?"* và *"Như thế nào?"* Công nghệ giảng dạy với việc sử dụng công cụ máy tính hỗ trợ tích cực cho phương pháp học kiểu mới không chỉ vì máy tính đặt ra câu hỏi cho người học mà còn là phương tiện giúp người học truy cập các trang thông tin để tự tìm ra câu trả lời cho những câu hỏi mang tính thách thức.

2. TẦM QUAN TRỌNG CỦA CÔNG NGHỆ TRONG DẠY VÀ HỌC

Nhiều nghiên cứu đã khẳng định vai trò quan trọng của công nghệ trong giáo dục đào tạo. Chẳng hạn nghiên cứu của CARET đã chứng minh rằng công nghệ có ảnh hưởng tích cực đến kết quả học tập của sinh viên, giúp phát triển kỹ năng tư duy bậc cao và khả năng giải quyết vấn đề, khuyến khích và tạo hứng thú cho sinh viên trong học tập, chuẩn bị hành trang cho nghề nghiệp trong tương lai, và cung cấp những giải pháp đối với những trường hợp sinh viên học kém và thái độ học tập thiếu nghiêm túc (http://caret.iste.edu).

Cùng chia sẻ quan điểm này, Roblyer (2006) cho rằng có 4 yếu tố cơ bản khẳng định vai trò tích cực của việc ứng dụng công nghệ trong hoạt động dạy và học.

2.1. Công nghệ tạo hứng khởi cho sinh viên bằng cách

- Thu hút sự quan tâm chú ý của sinh viên vào bài học thông qua khả năng hiển thị thông tin hình ảnh và tính tương tác của công nghệ. Chẳng hạn, sinh viên sẽ hứng thú và học hiệu quả hơn kỹ năng nghe bài giảng và ghi chép (listen to leatures and take notes) trong các chương trình dạy học trên mạng khi vừa được nghe, vừa được quan sát giảng viên giảng và trình bày nội dung bài giảng trên bảng hoặc trên slide;

- Thực hiện những thao tác đơn giản giúp người học tập trung xử lý và tiếp thu những kỹ năng, kiến thức phức tạp hơn. Ví dụ, khi sinh viên học đến kỹ năng viết nghiên cứu (Research Project) thì trọng tâm là kỹ năng nghiên cứu, tổng hợp và trình bày dữ liệu, còn phần mềm trên máy tính sẽ giải quyết giúp những vấn đề về lỗi chính tả, lỗi ngữ pháp vốn là những vấn đề ở cấp độ đơn giản;

- Minh họa những ứng dụng mang tính thực tiễn của những kiến thức mà người học cần tiếp nhận;

- Liên kết sinh viên trên phạm vi toàn cầu để chia sẻ và trao đổi thông tin và kiến thức qua các bài tập được đăng tải trên mạng.

2.2. Công nghệ tăng cường hiệu quả giảng dạy thông qua

- Việc giúp giáo viên giao tiếp và có phản hồi kịp thời để hỗ trợ sinh viên trong việc luyện kỹ năng;

- Cụ thể hoá những khái niệm cơ bản vốn xa lạ và trừu tượng đối với sinh viên, nhờ vậy mà sinh viên dễ dàng tiếp thu những nguyên lý phức tạp;

- Minh họa khả năng ứng dụng những kỹ năng học được trên ghế nhà trường với thực tế đời sống, tránh được tình trạng sinh viên thu nạp kiến thức nhưng không biết ứng dụng những kiến thức đó;

- Trang bị cho sinh viên phương pháp học mới qua các bài tập tình huống mô phỏng;

- Cho phép sinh viên tiếp cận với những thông tin, dữ liệu và kiến thức chuyên môn được đăng tải trên mạng toàn cầu;

- Cung cấp cho từng sinh viên công cụ tự học tập phù hợp với trình độ của riêng mình thông qua các chương trình đào tạo từ xa;

- Tạo điều kiện cho những sinh viên khuyết tật hoặc không có điều kiện đến trường.

2.3. Công nghệ có thể tăng cường hiệu quả dạy và học nhờ

- Tiết kiệm thời gian làm bài tập nhờ các công cụ phần mềm như phần mềm xử lý văn bản, bảng tính, v.v.;

- Theo dõi và đánh giá, cho điểm sinh viên với sự hỗ trợ của hệ thống học tập hợp nhất và máy tính xách tay;

- Cho phép truy cập các nguồn thông tin qua internet và qua email nhanh chóng và thuận tiện hơn nhiều so với các phương pháp thông thường.

2.4. Công nghệ giúp sinh viên học tập và trau dồi các kỹ năng cần thiết của thời đại thông tin

- *Kiến thức công nghệ* (Technological literacy) nhờ được tiếp xúc với các phần mềm xử lý văn bản, bảng tính, các bài tập tình huống mô phỏng, hệ thống đa phương tiện, và internet;

- *Kiến thức thông tin* (Information literacy) bao gồm "sáu mảng kiến thức lớn" theo cách gọi của Eisenberg (1996) là khả năng định nghĩa công việc/nhiệm vụ, các chiến lược tìm kiếm thông tin, xác định vị trí thông tin và cách truy cập, sử dụng thông tin, khả năng tổng hợp, và đánh giá;

- *Năng lực hiển thị thông tin* (Visual literacy). Khi hình ảnh thay thế các văn bản trên các phương tiện thông tin, sinh viên sẽ phải học cách diễn giải, hiểu và đánh giá được ý nghĩa các thông điệp được hiển thị, giao tiếp thông qua việc ứng dụng các nguyên lý và khái niệm cơ bản của các kiến thức này.

Tất cả các phương thức gắn công nghệ với hoạt động giảng dạy đều phải có sự kết hợp giữa phần mềm và phần cứng để thực hiện các ứng dụng khác nhau trong giáo dục. Những trang thiết bị công nghệ sau đây có thể được sử dụng cho hoạt động này:

- Phòng lab chuyên dụng;
- Phòng lab máy tính;
- Phòng lab trung tâm thông tin thư viện;
- Phòng lab di động;
- Máy tính trong lớp học;
- Máy tính cá nhân.

Những chương trình phần mềm hỗ trợ cho việc ứng dụng công nghệ trong giáo dục gồm 3 loại sau:

- *Các chương trình hướng dẫn* (instructional programs) được thiết kế để dạy sinh viên các kỹ năng hoặc cung cấp thông tin thông qua các hoạt động minh họa, giải thích, v.v.;

- *Các chương trình làm việc* (productivity programs) giúp giáo viên và sinh viên lập kế hoạch, xây dựng tư liệu và ghi sổ;

Các chương trình quản trị (administrative programs) giúp nhân viên quản trị trao đổi thông tin và ghi sổ sách theo dõi.

3. VẤN ĐỀ SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

Trường Đại học Hà Nội hiện được xem là một trong những trường đại học đi đầu trong việc áp dụng công nghệ trong công tác dạy và học ngoại ngữ. Nhà trường chú trọng đầu tư và khuyến khích việc ứng dụng công nghệ. Trang thiết bị công nghệ hiện đang được sử dụng tại trường, ngoài đài cassette và đầu video thông thường, bao gồm:

- Các phòng lab chuyên dụng được sử dụng cho việc luyện âm và thực hành dịch;
- Phòng lab trung tâm thông tin thư viện;
- Hệ thống máy tính trang bị cho các lớp học cùng máy chiếu.

Những phần mềm đã và đang được sử dụng tại trường bao gồm:

- Các phần mềm dạy và học tiếng Anh trên mạng: DynED, English Discoveries Online (EDO);
- Phần mềm dạy tiếng Anh trên máy: English Discoveries (ED);

- Các chương trình dạy phát âm trên máy;

- Chương trình quản trị hành chính (Union);

- Chương trình thông tin, liên lạc nội bộ (Tác nghiệp).

Tuy nhiên, để tăng cường hiệu quả ứng dụng công nghệ trong giảng dạy và học tập một cách sâu rộng hơn, hệ thống công nghệ đa phương tiện (multimedia) hiện có cần được nâng cao và trang bị đầy đủ hơn nữa song song với việc sử dụng rộng rãi danh mục điện tử (e-portfolio) trong học tập.

3.1. Tại sao nên sử dụng công nghệ đa phương tiện (multimedia)?

Theo định nghĩa của Brett (1969), công nghệ đa phương tiện (multimedia) là sự kết hợp các nhân tố thông tin liên lạc như văn bản, âm thanh, hình họa, tranh ảnh, băng hình v.v. với sự trợ giúp của máy tính. Mỗi nhân tố này chuyển tải thông điệp đến người nhận theo những cách thức khác nhau và sử dụng ngôn ngữ thông tin theo những cách riêng. Multimedia có khả năng kết hợp những nhân tố thông tin ngôn ngữ này với nhau và "hiệu quả và tác dụng của hình thức kết hợp này cao hơn rất nhiều so với việc tổng hợp từng nhân tố riêng lẻ" (Brett, 1969).

Những lợi ích đối với giáo viên khi sử dụng công nghệ multimedia trong lớp học tiếng Anh rất đa dạng. Máy tính và máy chiếu có thể được dùng làm bảng viết điện tử để trình bày và minh họa những vấn đề cụ thể thay cho việc giáo viên phải trình bày trên bảng viết (Kenning, 1990). Tuy nhiên, khác với giáo viên con người, máy tính và các phần mềm ứng dụng có thể hoạt động không ngưng nghỉ, không mệt mỏi (Brett, 1969). Máy tính và các chương trình phần mềm có thể được sử dụng bất cứ lúc nào, hỗ trợ cho giáo viên trong việc thiết kế các bài tập và các hoạt động đa dạng, sinh động, tiết kiệm thời gian và công sức. Nói cách khác, công nghệ multimedia là một công cụ hữu ích trong công tác giảng dạy có thể được sử dụng song song với sách giáo khoa.

Đối với sinh viên, việc áp dụng công nghệ multimedia trong học tập có tác dụng kích thích học tập tốt hơn với những tư liệu thông tin thực tế và dồi dào, phong phú. Đặc biệt sinh viên ở những nước đang phát triển như Việt Nam sẽ cảm thấy hứng thú học tập hơn khi giáo viên sử dụng công nghệ multimedia trong các bài giảng. Sinh viên sẽ tập trung hơn khi bài giảng được truyền tải thông qua những hình ảnh, âm thanh và màu sắc đa dạng, nhờ vậy mà bài giảng của giáo viên trên lớp sẽ sinh động và hiệu quả hơn (Kenning, 1990).

Ngoài tác dụng tích hợp các nguồn thông tin khác nhau vào việc giảng dạy ngôn ngữ, công nghệ multimedia, theo Dlaska (2000), còn cung cấp cho người học những tư liệu thực tế. Chẳng hạn, giáo viên có thể quay video hay thu âm những đoạn đối thoại trong cuộc sống hàng ngày hoặc một cuộc phỏng vấn trong thực tế làm tư liệu giảng dạy trên lớp. Sinh viên sẽ cảm thấy tự tin hơn khi gặp những tình huống tương tự trong cuộc sống và công việc sau này. Không những thế, sinh viên còn có điều kiện tiếp xúc với những nguồn tư liệu ngôn ngữ đa dạng qua internet để có được những chủ đề thảo luận thú vị trong lớp học (Robert, 2004). Nhiều sinh viên thấy việc sử dụng internet trong giảng dạy và học tập hấp dẫn và thú vị hơn nhiều so với việc sử dụng sách giáo khoa thông thường, băng cassette hoặc băng hình .

Trong tương lai, với những đổi mới trong lĩnh vực công nghệ, multimedia sẽ ngày càng thân thiện với người sử dụng hơn và hiệu quả ứng dụng sẽ ngày càng cao hơn. Trong khi chờ đợi những phát minh mới, giáo viên dạy tiếng có thể sử dụng máy tính, các phần mềm máy tính và internet làm nguồn tư liệu phong phú để tăng thêm nguồn thông tin và kiến thức đầu vào cho sinh viên ở mọi trình độ (Smith, 1990).

3.2. Tại sao nên dùng danh mục điện tử (e-portfolio) trong học tập?

Tại Khoa Đào tạo Đại cương, hình thức học tập sử dụng danh mục ghi trên giấy (paper-based portfolio) đối với các môn Đọc, Từ vựng, và danh mục âm thanh (audio portfolio) đối với môn Phát âm đã được áp dụng trong 2 học kỳ của năm học 2005-2006. Tuy nhiên, hình thức này có những hạn chế nhất định do khó có thể chia sẻ thông tin giữa người học với nhau và giáo viên cũng khó kiểm tra, theo dõi tiến độ công việc của sinh viên. Danh mục điện tử (e-portfolio) nếu được áp dụng thành công sẽ khắc phục được những điểm yếu này.

Những lợi ích của việc sử dụng danh mục điện tử (e-portfolio) trong học tập rất nhiều, dưới đây là những ưu điểm chính:

- Tạo điều kiện để sinh viên và giáo viên truy cập các dữ liệu trên danh mục một cách dễ dàng và thuận tiện;
- Dễ dàng chia sẻ thông tin giữa giáo viên và sinh viên;
- Đóng góp một công cụ khích lệ sinh viên học tập;
- Giúp sinh viên làm quen với máy tính và internet;
- Cho phép giáo viên có thể đánh giá tiến độ học tập một cách toàn diện.

Danh mục điện tử (e-portfolio) có thể được ứng dụng tại trường Đại học Hà Nội nói chung, và tại Khoa Đào tạo Đại cương nói riêng, sử dụng chương trình Moodle áp dụng cho các môn học như Đọc, Viết, Nghe, Nói, Phát âm và Từ vựng. Dưới đây là một số ví dụ về cách ứng dụng danh mục điện tử e-portfolio trong việc dạy và học ngoại ngữ. Đối với kỹ năng Đọc và Viết:

- Sinh viết tóm tắt nội dung những bài đọc trong tuần;
- Sinh viên gửi bài viết của mình lên Moodle kèm với bài đọc;
- Các sinh viên khác cùng xem và đóng góp ý kiến;
- Giáo viên đóng vai trò lựa chọn và tổ chức các chủ đề đọc và viết trong tuần.

Đối với môn Phát âm, danh mục điện tử (e-portfolio) có thể được áp dụng theo cách sau:

- Sinh viên ghi giọng của mình vào các file tiếng (audio files) khi thực hành luyện phát âm;
- Sinh viên gửi file tiếng thu những dạng bài tập khác nhau lên Moodle;
- Giáo viên nghe và đánh giá, cho điểm sinh viên căn cứ theo tiến bộ mà sinh viên đạt được qua quá trình luyện tập.

Tuy nhiên, cũng cần đề phòng những vấn đề có thể nảy sinh có ảnh hưởng tiêu cực tới việc ứng dụng công nghệ trong giảng dạy. Đó là:

- Giáo viên không mặn mà với việc ứng dụng công nghệ trong công việc giảng dạy hàng ngày;
- Kỹ năng và trang thiết bị máy tính của sinh viên không được tốt;
- Nội dung bài luyện nghèo nàn vì quá chú trọng tới vấn đề công nghệ mà quên đi vấn đề phải thường xuyên nâng cấp, cập nhật nội dung giảng dạy;
- Lịch làm việc của giáo viên quá dày nên không thu xếp được thời gian trao đổi, xem xét và nhận xét sinh viên qua mạng.

Cho dù còn có những khó khăn và trở ngại, vấn đề ứng dụng công nghệ trong giảng dạy và học tập đang dần trở thành một xu hướng tất yếu trên thế giới vì những lợi ích và ưu thế vượt trội của công nghệ là không thể phủ nhận. Đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục, khi chất lượng dạy và học là yếu tố quan trọng bậc nhất thì những ưu điểm của công nghệ là không thể bỏ qua, và đó cũng chính là định hướng mà Trường Đại học Hà Nội đã lựa chọn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Brett, P.A. (1969). *"Is multimedia effective for language learning? An intuitive, theoretical and*

empirical perspective". University of Wolverhampton.

2. Brett, P.A. (1969). *"Multimedia applications for language learning – what are they and how effective are they in Dangerfield?".* University of Wolverhampton.
3. Dlaska, A. (2002). "Sites of construction: language learning, multimedia, and the international engineer". *Computers and education*, Vol. 39 (2), pp. 129 – 143.
4. Johnson, D. & Eisenberg, M. (1996). Computer literacy and information literacy: A natural combination. *Emergency Librarian,* 23 (5), 12-16.
5. Kenning, M. (1990). *Methodology and the computer.* In *Computers and language learning: current theory and practice* (pp.50-82). New York: Harwood.
6. Mills, S.C. (2006). *Using internet for Active Teaching and Learning.* Pearson Merrill Prentice Hall, Ohio.
7. Robert J. B, (2004). *"Technology, Multimedia, and Second Language Learning".* University of California: Davis
8. Roblyer, M.D. (2006). *Integrating Educational Technology into Teaching.* Pearson Merrill Prentice Hall, Ohio.
9. Smith H. E. (1999). *"Classroom practice: Using multimedia for input and interaction in CALL environments: Research, practice and critical issues".* Alexandria, Va.: Teachers of English to Speakers of Other Languages. Chapter 13, pp.189-215.
10. Weimer, M. (2002). *Learner-Centered Teaching: Five Keys Changes to Practice.* Jossey-Bass, San Francisco.
11. http://caret.iste.edu

Chuyên gia Edusoft dự giờ English Discoveries Online ở Khoa Đại cương